FireAnt

CTCP Thuỷ Điện Miền Nam (HSX: SHP)

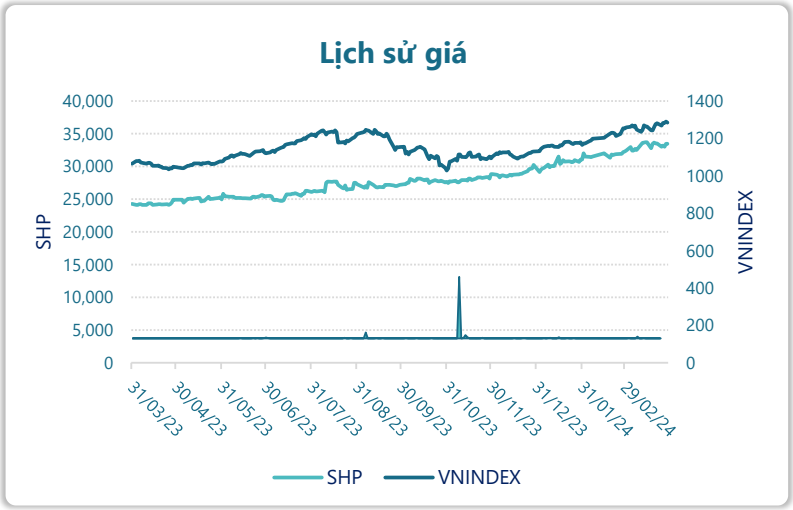

Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**33,450**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	33,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	24,124
SL cổ phiếu LH	101,206,352
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,530
% sở hữu nước ngoài	5.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,385
P/E	13.3
EPS	2,506

DT thuần

Q1/24

56.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼134| -70.4%

YoY: ▼27.1| -32.3%

LN sau thuế

Q1/24

-6.28

tỷ VNĐ

QoQ: ▼86.6| -108%

YoY: ▼21.6| -141%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

49.2%

+/- YoY: ▼ 3.6%

DT thuần

2023

661

tỷ VNĐ

YoY: ▼85.0| -11.4%

LN sau thuế

2023

275

tỷ VNĐ

YoY: ▼46.0| -14.3%

ROE

2023

19.6%

+/- YoY: ▼ 3.4%

Kết quả kinh doanh

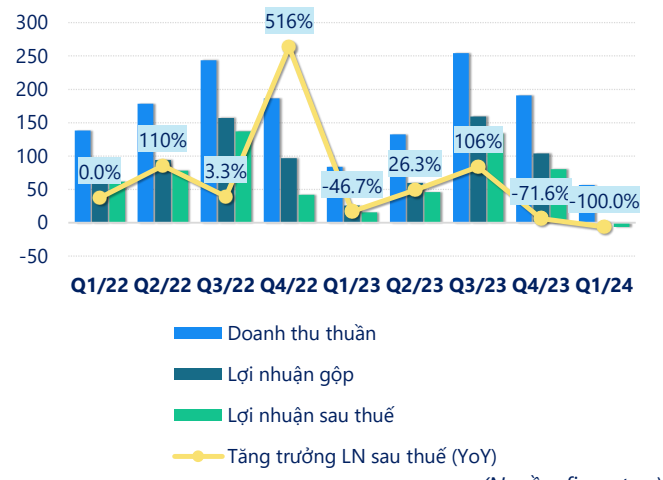

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

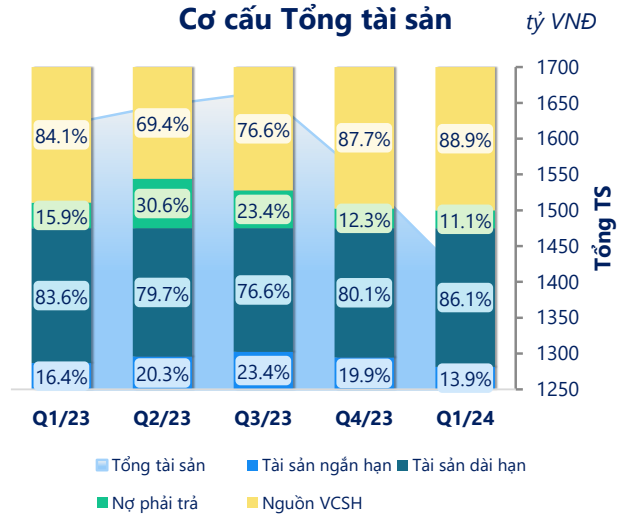

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

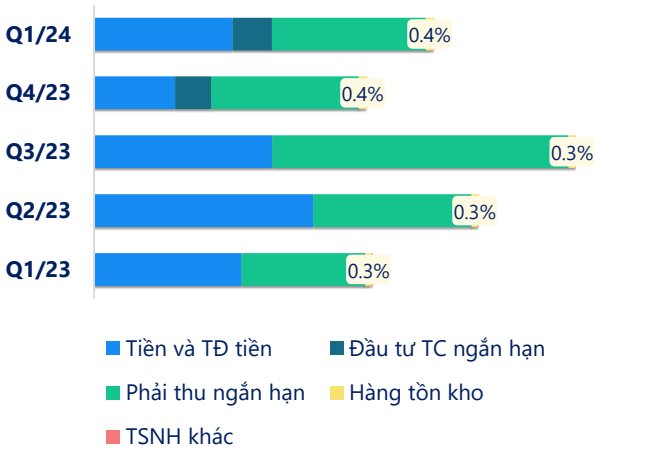

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

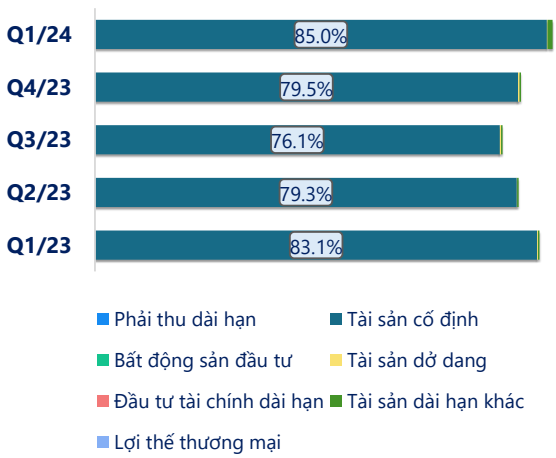

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

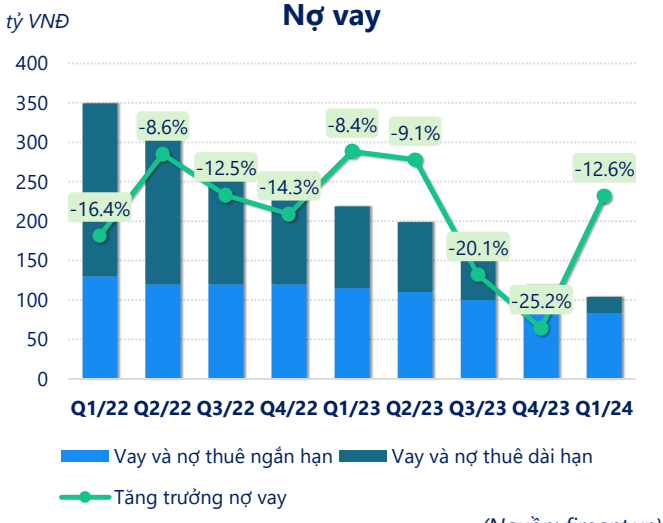

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

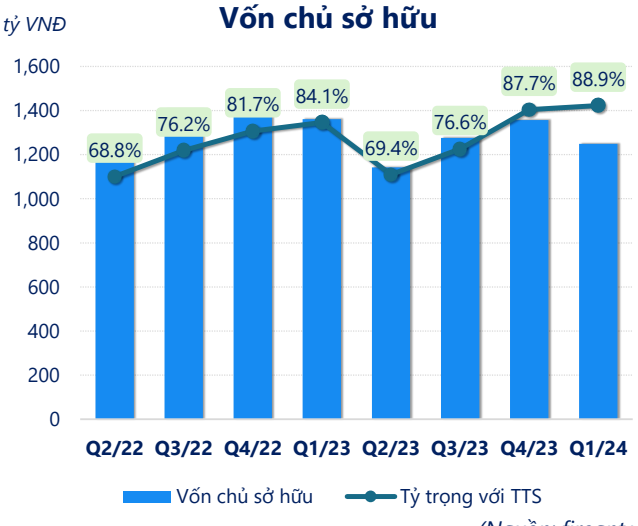

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

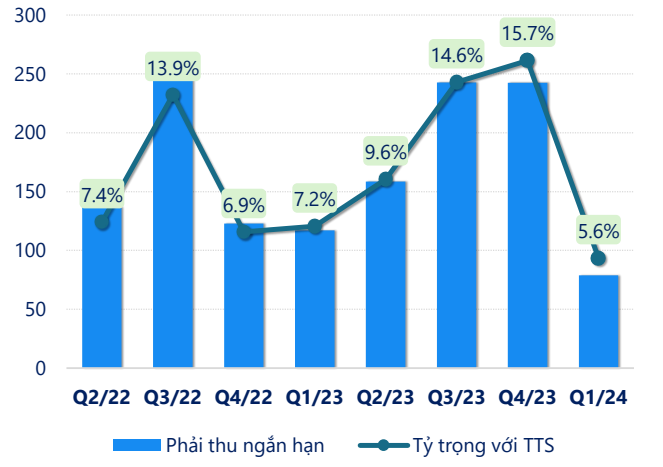

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

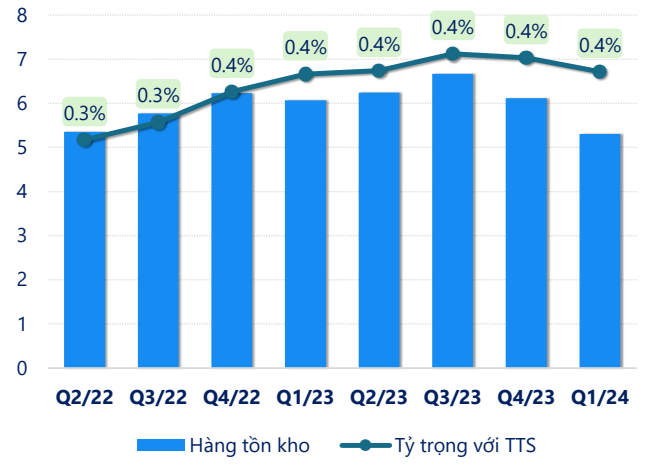

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

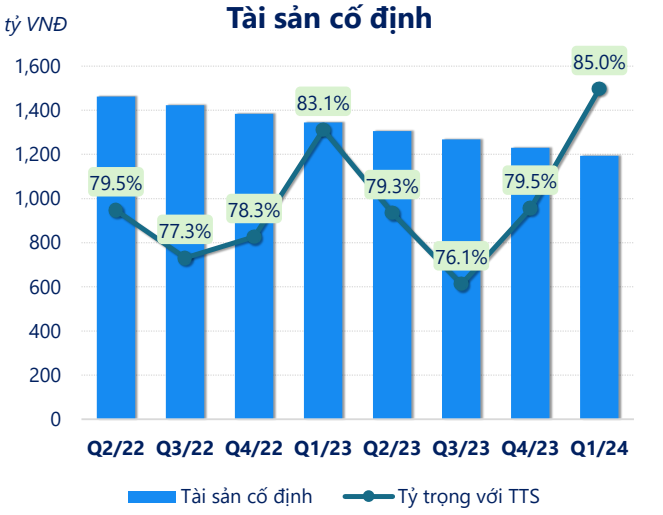

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

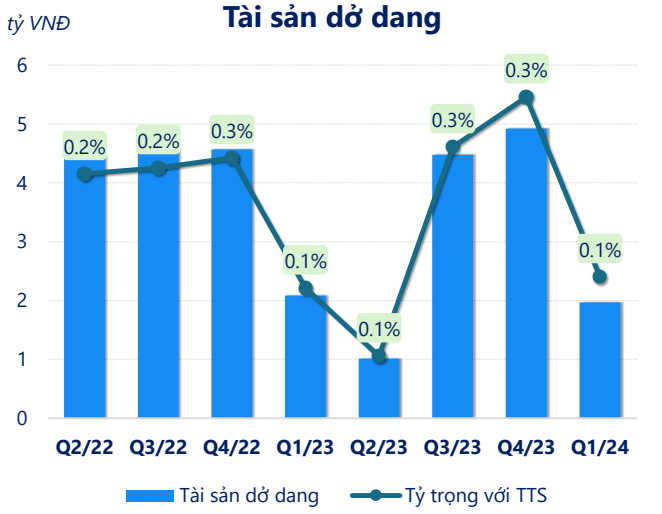

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

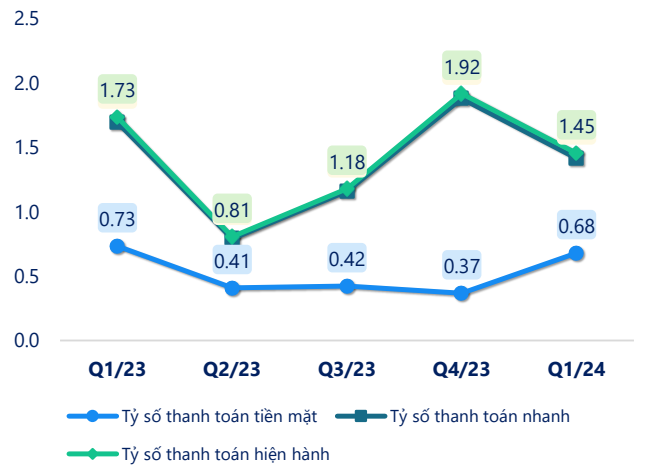

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

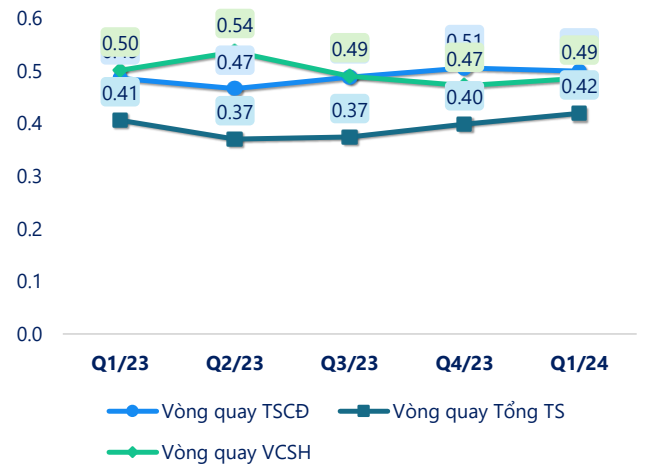

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**1,619**	**1,646**	**1,665**	**1,546**	**1,404**
Tài sản ngắn hạn	**265**	**335**	**389**	**308**	**196**
Tiền và tương đương tiền	112	170	139	58.9	91.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	30.0	0	0	0	20.0
Phải thu ngắn hạn	117	159	243	242	78.9
Hàng tồn kho	6.06	6.24	6.67	6.11	5.31
Tài sản ngắn hạn khác	0.21	0.10	0.15	0.17	0.14
Tài sản dài hạn	**1,353**	**1,312**	**1,276**	**1,238**	**1,209**
Phải thu dài hạn	0.63	0.01	0.01	0.01	0.01
Tài sản cố định	1,345	1,306	1,267	1,230	1,193
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	2.09	1.01	4.47	4.92	1.97
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	4.99	4.48	4.11	3.67	13.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**257**	**504**	**389**	**189**	**156**
Nợ ngắn hạn	**153**	**415**	**330**	**160**	**135**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	115	110	100	90.0	83.0
Phải trả người bán ngắn hạn	1.81	1.02	3.88	4.12	6.96
Nợ dài hạn	104	89.0	59.0	29.0	21.0
Vay và nợ thuê dài hạn	104	89.0	59.0	29.0	21.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,361**	**1,142**	**1,276**	**1,356**	**1,249**
Vốn chủ sở hữu	**1,361**	**1,142**	**1,276**	**1,356**	**1,249**
Vốn điều lệ	1,012	1,012	1,012	1,012	1,012
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)